

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VỊ THỦY  
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 209/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2020

Về việc: Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Quách Thị Mỹ Trúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Em

2. Ông Nguyễn Đông Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Ngọc Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/8/2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2020, giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Vị Đ, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Cao Bé Đ, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Vị Đ, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2020 nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày: Anh và chị Cao Bé Đ chung sống như vợ chồng từ năm 2010, nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc thường hay cãi vã nên anh chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay, nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị Cao Bé Đ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Cao Ngọc T1, sinh năm 2011. Anh T tự nguyện giao con chung cho chị Đ nuôi dưỡng, anh T không cấp

dưỡng.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 03 tháng 9 năm 2020 chị Cao Bé Đ trình bày: Chị và anh Lê Văn T chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Anh chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay, nay anh T yêu cầu được ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Cao Ngọc T1, sinh ngày 16/6/2011. Con chung đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 03 tháng 9 năm 2020 cháu Lê Cao Ngọc Trúc trình bày: Cháu là con của anh Lê Văn T và chị Cao Bé Đ, hiện nay cháu đang sống với mẹ, khi cha mẹ ly hôn cháu muốn được sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa anh T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Đ. Về con chung tự nguyện giao cho chị Đ nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị không công nhận anh T và chị Đ là vợ chồng.

Án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với chị Cao Bé Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Cao Bé Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Cao Bé Đ chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn là không phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên hôn nhân của anh T và chị Đ không có giá trị

pháp lý, không được pháp luật thừa nhận. Tại phiên tòa anh T giữ nguyên yêu cầu ly hôn và tại biên bản ghi lời khai chị Đ thống nhất ly hôn với anh T. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*.

Do đó căn cứ vào quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giải quyết việc anh T và chị Đ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

[3]. Về con chung: Anh Lê Văn T và chị Cao Bé Đ thống nhất giao con chung cho chị Cao Bé Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Thỏa thuận giữa anh T và chị Đ phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định Điều 15, 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về con chung giữa anh T và chị Đ.

Anh Lê Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Cao Bé Đ không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi có yêu cầu chị Đ có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5]. Về tài sản: Về tài sản chung không có, về nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Đương sự còn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án và được kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, 35, 39, 91, 271, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Lê Văn T và chị Cao Bé Đ là vợ chồng.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Lê Văn T và chị Cao Bé Đ. Giao con chung tên Lê Cao Ngọc T1, sinh ngày 16/6/2011 cho chị Cao Bé Đ tiếp tục nuôi dưỡng, anh Lê Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn anh Lê Văn T phải nộp số tiền là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu tiền số 0001192 ngày 17/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành án phí, anh T không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Công TTĐT TAND (để công bố);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quách Thị Mỹ Trúc**